

## Lesson 7

# FAMOUS PEOPLE IN THE HISTORY OF IT

## Alan Mathison Turing

*/ˈælən/ /ˈmæθɪsən/ /ˈtʊrɪŋ/*

## Alan Mathison Turing

(23 June 1912 - 7 June 1954) English computer scientist known as the "father of computer science"; inventor of a famous test, which is used as an empirical basis for what makes a computer a computer

(23 tháng 6 năm 1912 - 7 tháng 6 năm 1954) nhà khoa học máy tính người Anh được gọi là "cha đẻ của khoa học máy tính"; nhà phát minh ra một bài kiểm tra nổi tiếng, được sử dụng như một cơ sở thực nghiệm cho những gì làm cho máy tính trở thành một máy tính.

Alan Turing helped invent the 'Tunny' machine which cracked the Germans 'Enigma machine' encryption code during World War II.

Alan Turing đã giúp phát minh ra máy 'Tunny' đã bẻ mã mã hóa của máy Enigma của Đức trong Thế chiến II.

## Andy Grove

*/ˈændi/ /groʊv/*

## Andy Grove

(born 2 September 1936) Hungarian-American Chairman of Intel Corporation during much of its rapid financial growth in the 1980's and 1990's

(sinh ngày 2 tháng 9 năm 1936) Chủ tịch Hungary-Mỹ của Tập đoàn Intel trong nhiều năm tăng trưởng tài chính nhanh chóng trong những năm 1980 và 1990

The Wall Street spokesman said that Andy Grove is not just a great scientist, but a financial genius as well.

Người phát ngôn của Phố Wall nói rằng Andy Grove không chỉ là một nhà khoa học vĩ đại, mà còn là một thiên tài tài chính nữa.

## Bill Gates

**/bɪl/ /ɡeɪts/**

## Bill Gates

(born October 28, 1955) American founder of Microsoft Corporation and developer of Windows; he was the richest man in the world for many years before he gave away a lot of his wealth to charity.

(sinh ngày 28 tháng 10 năm 1955) người sáng lập ra Microsoft của Microsoft Corporation và nhà phát triển Windows; ông là người giàu nhất thế giới trong nhiều năm trước khi ông cho đi rất nhiều tài sản của mình để làm từ thiện.

The boy told his mother he wanted to be as rich as Bill Gates.

Cậu bé nói với mẹ mình rằng anh muốn trở nên giàu có như Bill Gates.

## Bjarne Stroustrup

**/buh-jaar-nei/ /straw-struhp/**

## Bjarne Stroustrup

(born December 30, 1950) Danish inventor of the C++ programming language

Bjarne Stroustrup's non-research interests include general history, light literature, photography, and music.

Những lợi ích phi nghiên cứu của Bjarne Stroustrup bao gồm lịch sử chung, văn học ánh sáng, nhiếp ảnh và âm nhạc.

## Charles Babbage

**/chaarlz/ /ba - buhj/**

## Charles Babbage

(December 26, 1791 - October 18, 1871) English mathematician, analytical philosopher who drew up plans for the first programmable computer called the Difference Engine

(26 tháng 12 năm 1791 - 18 tháng 10 năm 1871) nhà toán học người Anh, nhà triết học phân tích, người đã lên kế hoạch cho máy tính lập trình đầu tiên được gọi là Công cụ khác biệt

Charles Babbage would likely be overwhelmed at the power of a typical desktop computer today.

Charles Babbage có thể sẽ bị choáng ngợp trước sức mạnh của một chiếc máy tính để bàn thông thường hiện nay.

# Dennis Ritchie

/deh-nuhs/ /ri-chee/

## Dennis Ritchie

(born September 9, 1941) American inventor of the C programming language

(sinh ngày 9 tháng 9 năm 1941) Nhà phát minh người Mỹ về ngôn ngữ lập trình C

Dennis Ritchie did a really good job when writing the C programming language in 1969, because it's still widely used today.

Dennis Ritchie đã làm một công việc thực sự tốt khi viết ngôn ngữ lập trình C vào năm 1969, bởi vì nó vẫn được sử dụng rộng rãi ngày nay.

# Edgar Frank Codd

/ed-gah/ /frangk/ /kaad/

## Edgar Frank Codd

(August 23, 1923 - April 18, 2003) English computer scientist known for his work in inventing the "relational model" for databases, which is still in use today

(23 tháng 8 năm 1923 - 18 tháng 4 năm 2003) Nhà khoa học máy tính người Anh nổi tiếng với công trình của ông trong việc phát minh ra "mô hình quan hệ" cho các cơ sở dữ liệu, hiện vẫn đang được sử dụng

Edgar Frank Codd was known for pressuring IBM to introduce RDBMs to its customers, which later provided huge benefits to everyone.

Edgar Frank Codd được biết đến vì gây áp lực cho IBM để giới thiệu RDBM cho khách hàng của mình, sau này cung cấp những lợi ích to lớn cho mọi người.

# George Boole

/jorj/ /bool/

## George Boole

(2 November 1815 - 8 December 1864) English mathematician and philosopher who invented the boolean value

(2 tháng 11 năm 1815 - 8 tháng 12 năm 1864) nhà toán học và triết gia người Anh đã phát minh ra giá trị boolean

All modern computers owe a debt to George Boole's algebraic calculations.

Tất cả các máy tính hiện đại đều mắc nợ các phép tính đại số của George Boole.

## Gordon Moore

/gor-duhn/ /mor/

## Gordon Moore

(born January 3, 1929) American co-founder of Intel Corporation and the author of a law later named after him which predicts the speed increase of integrated circuits over time

(sinh ngày 3 tháng 1 năm 1929) Người đồng sáng lập của Tập đoàn Intel và là tác giả của một đạo luật sau này được đặt theo tên ông dự đoán tốc độ tăng của mạch tích hợp theo thời gian

Gordon Moore donated \$600 million to Caltech in 2001, which is perhaps the largest gift ever to an institution of higher education.

Gordon Moore đã quyên góp 600 triệu đô la cho Caltech vào năm 2001, đó có lẽ là món quà lớn nhất từ trước tới nay đến một tổ chức giáo dục đại học.

## Guido van Rossum

/gwee-dow/ /vahn/ /ross-sum/

## Guido van Rossum

(born Jan 31, 1956) Dutch inventor of the Python programming language

(sinh ngày 31 tháng 1 năm 1956) Nhà phát minh tiếng Hà Lan về ngôn ngữ lập trình Python

Guido van Rossum has been working at Google since 2005, where he is allowed to spend half his day improving the Python language.

Guido van Rossum đã làm việc tại Google từ năm 2005, nơi ông được phép dành nửa ngày để cải thiện ngôn ngữ Python.

## James Gosling

/jeimz/ /gaaz-luhng/

# James Gosling

(born May 19, 1955) Canadian computer scientist known as the father of the Java language.

(sinh ngày 19 tháng 5 năm 1955) Nhà khoa học máy tính Canada được gọi là cha đẻ của ngôn ngữ Java.

James Gosling earned a Ph.D in Computer Science from Carnegie Mellon University with a doctoral thesis entitled, "The Algebraic Manipulation of Constraints".

James Gosling lấy bằng Tiến sĩ về Khoa học Máy tính của Đại học Carnegie Mellon với một luận án tiến sĩ có tên là "Thao tác Đại cương về các ràng buộc".

# John Warner Backus

**/jaan/ /wor-nr/ /bah-kus/**

# John Warner Backus

(December 3, 1924 - March 17, 2007) American computer scientist known for leading the team who invented FORTRAN, the first widely used high-level programming language

(3 tháng 12 năm 1924 - 17 tháng 3 năm 2007) Nhà khoa học máy tính người Mỹ nổi tiếng vì đã lãnh đạo nhóm phát minh ra FORTRAN, ngôn ngữ lập trình bậc cao được sử dụng rộng rãi đầu tiên

John Warner Backus was famous in computer circles for inventing FORTRAN, as well as his formal language definition called the Backus-Naur form (BNF).

John Warner Backus nổi tiếng trong giới máy tính để phát minh ra FORTRAN, cũng như định nghĩa ngôn ngữ chính thức của ông được gọi là dạng Backus-Naur (BNF).

# Ken Thompson

**/ken/ /taamp-sn/**

# Ken Thompson

(born February 4, 1943) American co-inventor of the Unix Operating system in 1969 while working for AT&T; he also invented the 'B' programming language and worked on the UTF-8 character set

(sinh ngày 4 tháng 2 năm 1943) người đồng phát minh của hệ điều hành Unix năm 1969 trong khi làm việc cho AT & T; ông cũng đã phát minh ra ngôn ngữ lập trình 'B' và làm việc trên bộ ký tự UTF-8

Ken Thompson wrote many books including 1995's 'Plan 9 from Bell Labs'.

Ken Thompson đã viết nhiều cuốn sách bao gồm 'Kế hoạch 9 từ Bell Labs' năm 1995.

# Larry Wall

/le-ri/ /wol/

## Larry Wall

(born September 27, 1954) American programmer and author, most widely known for his creation of the Perl programming language in 1987.

(sinh ngày 27 tháng 9 năm 1954) lập trình viên và tác giả người Mỹ, được biết đến rộng rãi nhất cho việc tạo ra ngôn ngữ lập trình Perl vào năm 1987

Larry Wall oversees development of Perl and serves as the Benevolent Dictator for Life of the Perl project.

Larry Wall giám sát sự phát triển của Perl và phục vụ như là nhà độc tài nhân từ cho cuộc sống của dự án Perl.

# Linus Torvalds

/ly-nus/ /tour-valds/

## Linus Torvalds

(born December 28, 1969) Finnish creator of the Linux operating system in 1991; his motivation was to create a Unix-like Operating System for the x86 processor as an alternative to Windows, which he described as a "broken toy"

(sinh ngày 28 tháng 12 năm 1969) Người sáng lập Phần Lan của hệ điều hành Linux vào năm 1991; động lực của ông là tạo ra một hệ điều hành giống Unix cho bộ vi xử lý x86 như là một thay thế cho Windows, mà ông mô tả như là một "đồ chơi bị hỏng"

Linus Torvalds will go down in history as the father of Linux, the 'Unix for the masses'.

Linus Torvalds sẽ đi vào lịch sử với tư cách là cha đẻ của Linux, 'Unix cho quần chúng'.

# Ralph Baer

/ralf/ /behr/

## Ralph Baer

(born March 8, 1922) German-American who was instrumental in inventing the Magnavox Odyssey, the first home video game console

(sinh ngày 8 tháng 3 năm 1922) người Mỹ gốc Đức, người đóng vai trò quan trọng trong việc phát minh ra Magnavox Odyssey, bộ điều khiển trò chơi video gia đình đầu tiên

In the late 1970's Ralph Baer invented Simon, a very popular electronic game, which looks suspiciously like the Google Chrome logo.

Vào cuối những năm 1970, Ralph Baer đã phát minh ra Simon, một trò chơi điện tử rất phổ biến, trông giống như logo của Google Chrome.

## Rasmus Lerdorf

**/raz-must/ /luh-dorf/**

## Rasmus Lerdorf

(born November 22, 1968) Danish inventor of the PHP programming language, currently the world's most popular web programming language.

(sinh ngày 22 tháng 11 năm 1968) nhà phát minh Đan Mạch về ngôn ngữ lập trình PHP, hiện là ngôn ngữ lập trình web phổ biến nhất thế giới.

Rasmus Lerdorf is known for inflaming object-oriented gurus by stating that procedural code is sometimes a better and faster approach for speed and scalability on the Web.

Rasmus Lerdorf được biết đến với việc thúc đẩy rất kinh nghiệm hướng đối tượng bằng cách nói rằng mã thủ tục đôi khi là một cách tiếp cận tốt hơn và nhanh hơn cho tốc độ và khả năng mở rộng trên Web.

## Richard Stallman

**/ri-chrd/ /staal-muhn/**

## Richard Stallman

(born March 16, 1953) American freedom activist and founder of the free software movement, the GNU project, and the Free Software Foundation

(sinh ngày 16 tháng 3 năm 1953) Nhà hoạt động tự do người Mỹ và người sáng lập phong trào phần mềm tự do, dự án GNU và Quỹ Phần mềm Tự do

Richard Stallman is a renowned programmer and activist whose major accomplishments include: copyleft, GNU Emacs, and the GNU C Compiler.

Richard Stallman là một lập trình viên và nhà hoạt động nổi tiếng có những thành tựu chính bao gồm: copyleft, GNU Emacs và GNU C Compiler.

## Robert Noyce

**/raa-brt/ /noys/**

## Robert Noyce

(December 12, 1927 - June 3, 1990) American engineer and businessman nicknamed "The Mayor of Silicon Valley", he co-founded Fairchild Semiconductor in 1957 and Intel in 1968

(12/12/1927 - 3-6-1990) Kỹ sư và doanh nhân người Mỹ có biệt danh là "Thị trưởng Thung lũng Silicon", ông đồng sáng lập Fairchild Semiconductor vào năm 1957 và Intel vào năm 1968

There is a book about Robert Noyce called, 'The Man Behind the Microchip'.

Có một cuốn sách về Robert Noyce được gọi là 'The Man Behind the Microchip'.

## Seymour Cray

**/sei-moore/ /cray/**

## Seymour Cray

(September 28, 1925 - October 5, 1996) American supercomputer architect who founded the company named after himself; he quickly became known as manufacturing the world's fastest computers for over 30 years

(28 tháng 9 năm 1925 - 5 tháng 10 năm 1996) Kiến trúc sư siêu máy tính người Mỹ đã thành lập công ty đặt theo tên mình; anh nhanh chóng được biết đến là nhà sản xuất máy tính nhanh nhất thế giới trong hơn 30 năm

Before he died in a car accident, Seymour Cray predicted the decline of the supercomputer because of the tremendous growth in speed of the PC.

Trước khi ông qua đời trong một tai nạn xe hơi, Seymour Cray dự đoán sự suy giảm của siêu máy tính vì sự tăng trưởng to lớn về tốc độ của PC.

## Steve Jobs

**/steev/ /jaabz/**



# Steve Jobs

(February 24, 1955 - October 5, 2011) American founder and former CEO of Apple Computer in 1976 and a leading figure in the computer industry; he helped popularize the concept of the home computer and was one of the first to see the commercial potential of the GUI and mouse

(24 tháng 2 năm 1955 - ngày 5 tháng 10 năm 2011) người sáng lập người Mỹ và cựu giám đốc điều hành của Apple Computer năm 1976 và là một nhân vật hàng đầu trong ngành công nghiệp máy tính; ông đã giúp phổ biến khái niệm về máy tính gia đình và là một trong những người đầu tiên nhìn thấy tiềm năng thương mại của GUI và chuột

Steve Jobs was known for making high quality computers which were fashionable and extremely usable.

Steve Jobs được biết đến với việc tạo ra những chiếc máy tính chất lượng cao thời trang và cực kỳ có thể sử dụng được.

# Steve Wozniak

/steev/ /waaz-nee-ak/

# Steve Wozniak

(born August 11, 1950) American co-founder of Apple Computer, fifth grade math teacher, and famous for designing the first commercially successful home computer (Apple II)

(sinh ngày 11 tháng 8 năm 1950) người đồng sáng lập người Mỹ của Apple Computer, giáo viên toán lớp năm, và nổi tiếng về thiết kế chiếc máy tính gia đình thương mại thành công đầu tiên (Apple II)

Steve Wozniak is a well-respected figure in the history of computing because of his love of people and technology over money.

Steve Wozniak là một nhân vật được kính trọng trong lịch sử điện toán bởi vì tình yêu của anh ta đối với con người và công nghệ qua tiền bạc.

# Tim Berners-Lee

/tim/ /ber-nurhz/ /lii/

# Tim Berners-Lee

(born 8 June 1955) Englishman known as the father of the World Wide Web; in 1989, he proposed a global hypertext project based on URIs, HTTP and HTML; he also founded the World Wide Web Consortium ( W3C ) in 1994

(sinh ngày 8 tháng 6 năm 1955) Người Anh được gọi là cha đẻ của World Wide Web; vào năm 1989, ông đã đề xuất một dự án siêu văn bản toàn cầu dựa trên các URI, HTTP và HTML; ông cũng thành lập tổ chức World Wide Web Consortium (W3C) vào năm 1994

Tim Berners-Lee was knighted because of his remarkable invention, the World Wide Web.

Tim Berners-Lee đã được phong tước hiệp sĩ vì sáng chế đáng chú ý của mình, World Wide Web.

## Vannevar Bush

**/va-nuh-vaar/ /bush/**

## Vannevar Bush

(March 11, 1890 - June 28, 1974) American Director of the Office of Scientific Research and Development, he coordinated the activities of some six thousand leading American scientists in the application of science to warfare; he also came up with an idea called the 'memex' which was a forefather to hypertext.

(11 tháng 3 năm 1890 - 28 tháng 6 năm 1974) Giám đốc Văn phòng Nghiên cứu và Phát triển Khoa học Hoa Kỳ, ông điều phối các hoạt động của khoảng sáu nghìn nhà khoa học hàng đầu của Mỹ trong việc ứng dụng khoa học vào chiến tranh; ông cũng đưa ra một ý tưởng gọi là 'memex' vốn là một tổ tiên của siêu văn bản

In 1949 Vannevar Bush wrote the important article, 'As We May Think', which laid out the fundamental properties and vision for multimedia and hypertext.

Vào năm 1949, Vannevar Bush đã viết một bài báo quan trọng, 'Như chúng ta có thể nghĩ', trong đó đặt ra các đặc tính cơ bản và tầm nhìn cho đa phương tiện và siêu văn bản.

## Vint Cerf

**/vint/ /sɜːrf/**

## Vint Cerf

(born June 23, 1943) Manager for DARPA, an early funder of TCP/IP technology, and developer of the first commercial email system at MCI

(sinh ngày 23 tháng 6 năm 1943) Giám đốc của DARPA, nhà tài trợ ban đầu của công nghệ TCP / IP và nhà phát triển hệ thống email thương mại đầu tiên tại MCI

Vint Cerf is considered by many as the "father of the Internet", as he helped invent the "packet-switching" TCP/IP protocol at the heart of online communication.

Vint Cerf được nhiều người coi là "cha đẻ của Internet", vì ông đã giúp phát minh ra giao thức TCP / IP "chuyển mạch gói" ở trung tâm của giao tiếp trực tuyến.

# Yukihiro Matsumoto

**/yuk-i-hi-ro/ /mat-su-mo-to/**

## Yukihiro Matsumoto

(born April 14th, 1965) Japanese creator of the Ruby programming language, considered to be the most object-oriented language ever created

(sinh ngày 14 tháng 4 năm 1965) người sáng tạo tiếng Nhật của ngôn ngữ lập trình Ruby, được coi là ngôn ngữ hướng đối tượng nhất từng được tạo ra

Yukihiro Matsumoto is a member of the The Church of Jesus Christ of Latter-day Saints and has served on missions.

Yukihiro Matsumoto là một thành viên của Giáo Hội Các Thánh Hữu Ngày Sau của Chúa Giê Su Ki Tô và đã phục vụ truyền giáo.